TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 11/7/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà **Bùi Thị Minh Thảo**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Danh**
Bà **Lê Thị Ánh Sáng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đường Hạc Vương Dung** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đình Tất** – Kiểm Sát Viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Lê P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ A, khu H, thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu H, thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh P, chị T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29/3/2017, nguyên đơn anh Dương Lê P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm T. Nguyên nhân anh P yêu cầu ly hôn là do chị T không chăm lo cho gia đình, thường bỏ nhà đi nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh P và chị T có 03 người con chung là cháu Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/4/2003; Dương Nguyễn Cao TR, sinh

ngày 08/3/2005 và Dương Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/5/2007. Anh P yêu cầu được nuôi cháu TR, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và giao 02 cháu K, N cho chị T nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đ/tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P khai không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Lời khai của chị Nguyễn Thị Diễm T tại hồ sơ thể hiện: Chị và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian sau này khoảng năm 2010 thì chị và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã nguyên nhân dẫn đến vợ chồng cải vã là do giữa chị và mẹ anh P mâu thuẫn với nhau. Chị có bỏ về nhà mẹ ruột tại khu C nhiều lần để sống và cũng có thời gian anh P về sống cùng chị tại khu C nhưng đến năm 2015 thì anh P không chung sống tại khu C nữa mà về nhà anh tại khu V sinh sống, từ đó anh P không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương chị nữa nên chị và anh P đã sống ly thân nhau cho đến nay. Cũng trong thời gian năm 2015 chị biết được anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên T1 nhưng họ tên địa chỉ cụ thể chị không biết và chị cũng không có chứng cứ chứng minh anh P có tình cảm với người tên T1 nên không cung cấp được cho Tòa án.

Trong thời gian sống ly thân, chị đã nhiều lần gặp anh P để bàn bạc đoàn tụ nhưng không hàn gắn được. Nay anh P khởi kiện xin ly hôn với chị, chị không đồng ý mà xin được đoàn tụ vì chị còn tình cảm với anh P.

Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T khai giữa chị và anh P không có mâu thuẫn gì, chị bỏ nhà đi nhiều lần và sống ly thân anh P từ tháng 01/2016 là do chị có mâu thuẫn nhỏ với mẹ chồng và chị có tâm sự với anh P thì anh không quan tâm nên chị buồn mới bỏ về nhà mẹ ruột sống. Chị T cũng thừa nhận có tham gia chơi bài bạc vài lần nhưng chỉ với số tiền nhỏ không gây nợ nần cũng chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính. Nay chị xin đoàn tụ vì chị muốn các con chung sống có ba mẹ đầy đủ.

Về con chung: Chị T khai có 03 con chung tên K, TR, N như anh P khai trên là đúng. Chị đồng ý theo yêu cầu của anh P là: Anh P sẽ nuôi dưỡng cháu TR, chị không cấp dưỡng nuôi con, còn chị nuôi dưỡng 02 cháu K và N, anh P cấp dưỡng nuôi con cho chị là 5.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 2.500.000 đ/tháng) nếu Tòa án giải quyết chấp nhận cho anh P ly hôn với chị.

Về tài sản chung: Chị T khai do chị không đồng ý ly hôn với anh P nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Các tình tiết mà các bên không thống nhất được: Anh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T vì cho rằng quá trình chung sống không hạnh phúc, chị T không chăm lo cho gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị T không đồng ý ly hôn với anh P mà yêu cầu được đoàn tụ vì chị T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, chị thường xuyên bỏ nhà đi và sống ly thân với anh P từ tháng 01/2016 đến nay là do giữa chị và mẹ chồng có 01 vài mâu thuẫn nhỏ. Ngoài ra, chị T còn cho rằng anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên T1 nhưng chị không cung cấp đươc họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của chị T1 cũng như không cung cấp được cho Tòa chứng cứ chứng minh cho lời khai của chị là có căn cứ.

Tại phiên tòa, anh P cung cấp biên nhận nợ, giấy vay tiền, giấy cầm cố tài sản ghi tên chị T để chứng minh chị T thường chơi đánh bạc gây ra nợ nần nhưng phía chị T chỉ thừa nhận chỉ chơi bài vài lần với số tiền nhỏ nên không gây ra nợ như anh P trình bày, chị cho rằng số nợ trên là chị vay để mua đồ nghề phục vụ cho tiệm tiện anh P đang làm, phía anh P không cung cấp được chứng cứ chứng minh số nợ trên là do chị T bài bạc.

Tại hồ sơ ban đầu anh P có nộp kèm theo đơn khởi kiện các tài liệu chứng cứ gồm: bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh P và 03 bản sao giấy khai sinh của các cháu K, N, TR.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của anh P, chị T và 02 biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Các tình tiết mà các bên thống nhất được: Về con chung: Anh P nuôi dưỡng cháu Dương Nguyễn Cao TR, sinh ngày 08/3/2005, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T nuôi dưỡng 02 cháu là Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/4/2003 và Dương Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/5/2007. Anh P cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị T mỗi tháng là 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đ/tháng). Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P, chị T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho anh P được ly hôn với chị T. Ghi nhận sự thỏa thuận về

việc nuôi con chung của các đương sự: Anh P được quyền nuôi dưỡng cháu Dương Nguyễn Cao TR, sinh ngày 08/3/2005, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền nuôi dưỡng 02 cháu là Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/4/2003 và Dương Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/5/2007. Anh P cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị T mỗi tháng là 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đ/tháng). Về tài sản chung: Chị T không thực hiện đúng việc yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, anh P không yêu cầu giải quyết nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu. Về nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Lê P và chị Nguyễn Thị Diễm T xây dựng gia đình với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/5/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Anh P xin ly hôn, chị T không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ vì chị cho rằng còn tình cảm với anh P và muốn hàn gắn để cùng nuôi dạy các con.

Xét quan hệ hôn nhân của anh P và chị T thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại UBND thị trấn T thể hiện vợ chồng anh P và chị T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh P và chị T không thể hòa giải đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị T cho rằng, anh P có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mới ly hôn với chị nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở xác định anh P và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, xử cho anh Pg được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận của các đương sự: Anh P được quyền nuôi dưỡng cháu Dương Nguyễn Cao TR, sinh ngày 08/3/2005, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền nuôi dưỡng 02 cháu là Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/4/2003 và Dương Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/5/2007. Anh P cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị T mỗi tháng là 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đ/tháng). Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Dương Lê P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của anh Dương Lê P đối với chị Nguyễn Thị Diễm T.

Xử cho anh Dương Lê P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm T.

Về con chung: Anh Dương Lê P được quyền nuôi dưỡng cháu Dương Nguyễn Cao TR, sinh ngày 08/3/2005; chị Nguyễn Thị Diễm T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Dương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/4/2003 và Dương Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/5/2007.

Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ/cháu x 2 = 5.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

Anh P, chị T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

2. Về án phí: Anh Dương Lê P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 3.00.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp 300.000đ theo biên lai số 006180 ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, anh P còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Anh P, chị T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND TT. T (GCN số 64/2002);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Thị Minh Thảo